TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:77/2019/DS-PT
Ngày:16-4-2019
V/v:"Tranh chấp
Quyền sử dụng đất
bị lấn chiếm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Ông **Triệu Quốc Hiếu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc: tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2017/DS-ST, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT, ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **L. V. L**, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Ấp T. Th, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông L.V. L là ông **L. B. T**, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T. Th, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư **L.Th. Ph** thuộc văn phòng luật sư Ngọc Sơn, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **N. Th. M. H**, sinh 1955;

2.2. Chị **H. Th. H. Qu** , sinh 1977; Có mặt.

2.3. Anh **H. V. Qu1**, sinh 1986;

2.4. Anh **H. V. Nh**, sinh 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp T. Th, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hoa, Quân, Nhân là chị **H. Th. H. Qu**.

3**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. **L. V. Ng**, sinh 1973

3.2. **N. T. Ng1**, sinh 1974

3.3. **L. Ng.H. V**, sinh 2000

3.4. **L. Ng. H. Gi**, sinh 2002

3.5. **Tr. K. X**, sinh 1964

3.6. **H. Ph. T**, sinh 1990

3.7. **H. Th.Th. D**, sinh 1988

3.8. **H. Th. Th. T**, sinh 1995

3.9. Ông **H. V. Th**, sinh 1946

Cùng địa chỉ: Ấp T. Th, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của anh Ng, chị Ng1, anh Gi, anh V là anh **L. B. T.**

Người đại diện hợp pháp của bà Tr. T. X, chị H. T. Th. D, chị H. T. Thủy T. là anh **H. Ph. T**.

3.10. **H. T. K. Th**, sinh 1979;

Địa chỉ: Ấp T. Ph., xã T. B, huyện B. T, Vĩnh Long.

3.11. **H. T.K. Kh**, sinh 1981;

Địa chỉ: Ấp P. A, xã A. Ph, huyện M. Th, Vĩnh Long.

3.12. **H. T. K. H**, sinh 1983;

Địa chỉ: Ấp Phước Thới A, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, Vĩnh Long.

3.13. **H. T. Tr**, sinh 1942;

Địa chỉ: Ấp A.H, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

3.14. **H. T. M**, sinh 1959;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T. Q. T, huyện V. L, Vĩnh Long

3.15. **H.h T. S**, sinh 1952;

Địa chỉ: Ấp C. T, xã C. H, huyện M. Th, Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chi Th, chị Kh, chị H, bà Mt. bà Tr, bà S, ông Th là chị **H. T. H. Qu**.

4. Do có kháng cáo của nguyên đơn L. V. L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2016 nguyên đơn L. V. L.trình bày: ông là chủ thửa đất 1821, diện tích 840m^2 loại đất nghĩa địa và thửa 1822, diện tích 3.120m^2, loại đất thổ quả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 765646 ngày 07/11/1991. Các thửa đất tọa lạc tại Ấp T. Th, xã T, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long. Cặp ranh hướng bắc hai thửa đất giáp thửa 587 (thửa cũ 1823) của ông H. V. L. Ông L. chết năm 2012, ông có vợ là bà N. Th. M. H và các con là H. T. H. Qu, H. T. K. Th, H.T. K. Kh, H. T. K. H, H.V. Qu1, H. V. Nh. Hiện nay thửa đất 587 do bà H, chị Qu, anh Qu1 và anh Nh trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng ông L vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng bà H đã lấn chiếm thửa 1821 khoảng 300m^2, lấn thửa 1822 khoảng 100m^2. Trên diện tích lấn chiếm bên bà H có trồng 08 cây dừa khoản 04 năm tuổi, 01 cây mít khoảng 04 năm tuổi, 01 chuồng gà bằng tre lá khoản 04m^2. Nay ông yêu cầu bà H tháo dỡ di dời chuồng gà, cây trồng trên đất để trả lại diện tích lấn chiếm cho ông.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/8/2017 nguyên đơn L. V. L trình bày như sau: Căn cứ vào kết quả khảo sát, đo đạc, phát sinh tranh chấp thêm thửa 586 do cụ Huỳnh Văn Cẩu đứng tên quyền sử dụng đất và diện tích tranh chấp tăng lên. Ông L yêu cầu bà H trả lại diện tích lấn chiếm thứ nhất tại thửa thứ nhất là 535,1m^2 và diện tích lấn chiếm thứ hai là 95,8m^2; thửa 587 ông yêu cầu bà Hoa trả lại diện tích lấn chiếm thứ nhất là 29,2m^2, diện tích lấn chiếm thứ hai là 171,6m^2. Tổng cộng ông L yêu cầu bà H trả lại tổng diện tích lấn chiếm là 831,7m^2.

Hiện nay ông Cẩu và vợ là cụ Trà đã chết, gồm có các con: H. T.Tr, H. V.Th, H. Th. S, H. V. L (đã chết) H. T. M, H. V. Th (đã chết). Hàng thừa kế của ông Th gồm có: Tr. T. K. X, H. T. Th. D, H. P. Tr, H. T. Th. T.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H. T. H. Q trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Qu xác định: hàng thừa kế của cụ Cẩu và cụ Trà, ông Long và ông Thính đúng như xác định của ông L.

Đối với thửa 587 là của ông bà nội chị là ông Huỳnh Văn Cẩu và cụ Nguyễn Thị Trà đã cho cha ruột chị là ông H. V. L. Ông L đã quản lý sử dụng có cấm mốc giới bằng tre, nhưng bên ông L đã nhổ. Ông L đã chết không để lại di chúc. Thửa đất 587 hiện nay do mẹ chị là bà H, chị Qu, anh Qu1 và anh Nh quản lý sử dụng nhưng vẫn do ông Long đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa 586 cũng của ông bà nội chị là cụ Cẩu và cụ Trà đã cho ông Long hơn 20 năm nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại thửa 586 vẫn do cụ Cẩu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do bà H, chị Qu, anh Qu1, anh Nh quản lý sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 586 do cụ Cẩu đứng tên nhưng đã thất lạc từ khi cụ Cẩu chết cho đến nay tìm không được.

Trong trường hợp bà H thua kiện bên bà H sẽ tự tháo dỡ di dời chuồng gà, cây trồng hiện có trên đất không yêu cầu ông Lực bồi thường thiệt hại. Bên bà H thống nhất áp dụng giá trị quyền sử dụng đất là 70.000 đ/m^2 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo sự xác định mốc giới của đại diện ông L là anh T: Thửa đất 1821 của ông Lực diện tích đo đạc thực tế là 1.220,5m^2, trong đó có tranh chấp với thửa 586 là 535,1m^2. Thửa 1822 diện tích 2.597,2m^2, trong đó có tranh chấp với thửa 586 là 95,8m^2, tranh chấp với thửa 187 là (29,2m^2 + 171,6m^2) = 200,8m^2.

Theo sự xác định mốc giới của chị Qu: Thửa đất 587 của ông Long diện tích thực tế là 2.978,5m^2, trong đó có tranh chấp với thửa 1822 là 200,8m^2. Thửa đất 586 do cụ Cẩu đứng tên có diện tích là 1.505,6m^2 trong đó tranh chấp với thửa 1821 là 535,1m^2, tranh chấp với thửa 1822 là 95,8m^2.

Tại bản án sơ thẩm số 52/2017/DSST, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 9 Điều 26, Điều 104, 161, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 của Luật đất đai.

Áp dụng Điều 256, 265 của Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 166, 175 của Bộ luật dân sự năm 2015

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L. V. L, về việc yêu cầu bà N.T. M. H, chị H. T. H. Qu, anh H. V. Qu, anh H. V. Nh trả quyền sử dụng đất lấn chiếm là 831,7m^2, gồm 29,2m^2 chiết thửa 587; 171,6m^2 chiết thửa 587; 95,8m^2, chiết thửa 586; 525,1m^2 chiết thửa 586.

Có trích đo bản đồ hiện trạng khu đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít lập ngày 02/6/2017 kèm theo thể hiện qua các mốc giới:

+ Diện tích 29,2m^2 chiết thửa 587 thể hiện qua các mốc giới: 1, 14, 25, 1.

+ Diện tích 171,6m^2 chiết thửa 587 thể hiện qua các mốc giới: 25, 24, 23, a, 23.

+ Diện tích 95,8m^2 chiết thửa 586 thể hiện qua các mốc giới: 23, b, 22, a, 23.

+ Diện tích 535,1m^2 chiết thửa 586 thể hiện qua các mốc giới: b, 7, 6, 22, b.

- Các đương sự có quyền đăng ký xin cấp lại quyền sử dụng đất theo bản án, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

- Vào ngày 17 tháng 11 năm 2017 nguyên đơn ông L.V. L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc bà N. T. H. H trả lại ông phần đất đã lấn chiếm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông L.V. L. do ông L. B. T làm đại diện trình bày: Ông xin thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Ông chỉ yêu cầu công nhận cho ông L. V. L. phần đất 167,8m^2, phần đất 452,2m^2, phần đất 29,2m^2, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông sửa án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư L.Th. Ph trình bày: Diện tích đất của bị đơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giảm rất nhiều trong khi đó phần đất của phía bị đơn so với giấy chứng nhận là dôi dư rất nhiều. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Bị đơn bà N. T. M. H do chị H. T. H. Qu trình bày: Chị đồng ý giao cho nguyên đơn phần đất phần đất 29,2m^2 là phần đất giáp ranh với thửa 588 (thửa cũ 1822) với thửa 587 và toàn bộ cây trồng trên phần đất tranh này không yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn giá trị. Còn các phần đất tranh chấp còn lại chị không đồng ý yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H. Ph. Tr trình bày: Thống nhất với ý kiến của chị H. T.H. Qu.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề

nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với phần đất diện tích 29,2m^2 gồm các mốc 32, 35, 34, 32. Sửa án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông L. V. L kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L. V. L do ông L. B. T làm đại diện về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà N. T. H. H trả lại ông phần đất đã lấn chiếm là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ông L. V. L kháng cáo toàn bộ bản án và ngày 30/3/2018 đại diện theo ủy quyền của ông L. V. L là ông L. B. T có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm khảo sát, đo đạc lại phần đất tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. V. L. Vào ngày 08/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long phối hợp cùng Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long tiến hành khảo sát đo đạc lại phần đất tranh chấp và theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long không xác định được phần đất tranh chấp thuộc thửa đất nào của ai. Theo công văn số 4478/STNMT ngày 14/11/2018 thì sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long trả lời: " Qua khảo sát, đo đạc phần đất theo xác định của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có biến động lớn và thay đổi nhiều so với ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long không xác định được phần đất tranh chấp thuộc thửa nào? Mỗi thửa có bao nhiêu diện tích và biến động tăng, giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Theo ông L. V. L có ông L. B. T làm đại diện trình bày trên phần đất tranh chấp có 03 cây dừa khoảng 60 năm tuổi không phải do ông Huỳnh Văn Cẩu trồng, nhưng theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá tài sản thì trên phần đất tranh chấp không có 03 cây dừa 60 năm tuổi như ông T đã trình bày mà toàn bộ cây trồng trên phần đất tranh chấp được ghi nhận là do ông Huỳnh Văn Cẩu và bà N. T. M. H trồng. Như vậy cho thấy ông L. V. L không phải là người sử dụng phần đất này. Mặc khác xét về hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông L được cấp khác so với thực tế mà phía

ông L đã chỉ ranh tranh chấp và bên phía bị đơn bà H cũng như vậy. Theo như trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thì diện tích của nguyên đơn và bị đơn đều có sự biến động lớn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông L. V. L.

[3] Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn do chị H. T. H. Qu làm đại diện đồng ý giao cho phía nguyên đơn phần đất diện tích 29,2m^2 gồm các mốc 32, 35, 34, 32 và toàn bộ cây trồng trên phần đất này cho nguyên đơn ông L. V. L không yêu cầu bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất và nguyên đơn cũng đồng ý với ý kiến này của bị đơn. Xét thấy thỏa thuận này là sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Từ những phân tích trên nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L. V. L, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số: 52/2017/DS-ST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

[4] Án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông L. V. L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông L. V. L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn ông L. V. L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản: Do không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản với số tiền 6.882.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L. V. L. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:

52/2017/DSST, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 9 Điều 26, Điều 104, khoản 1 Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 của Luật đất đai. Điều 256, 265 của Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 166, 175 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L. V. L, về việc yêu cầu bà N. T. M. H, chị H. T. H. Qu., anh H. V. Qu1, anh H. V. Nh trả quyền sử dụng đất lấn chiếm gồm:

- Diện tích 10,1m^2 gồm các mốc 25, 26, 27, 33, 32, 34, 25;

- Phần đất diện tích 178,4m^2 gồm các mốc 27, 30, 31, 32, 33, 27;

- Phần đất diện tích 167,8m^2 gồm các mốc 27, 28, 29, 30, 27;

- Phần đất diện tích 452,2m^2 gồm các mốc 6, 7, 29, 28, 6.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Công nhận phần đất diện tích 29,2m^2 gồm các mốc 32, 35, 34, 32 và toàn bộ cây trồng trên phần đất này cho nguyên đơn ông L.V. L quản lý, sử dụng (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 06/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

2. Án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông L. V. L. Hoàn trả cho ông L. V. L số tiền 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005100 ngày 06/6/2016 và biên lai thu số 0006023 ngày 24/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông L. V. L số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai 0006189 ngày 22/11/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

3. Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản: Buộc ông Lê Văn Lực nộp số tiền 6.882.000 đồng. Ông L. V. L đã nộp xong không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vương Minh Tâm

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01;*
- *VKSNDTVL: 02;*
- *TNV: 01;*
- *TAND h MT: 01;*
- *Chi Cục THADS h MT: 01;*
- *Các Đ/s: 2 ;*
- *Lưu: 04.*